

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/55/2017/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đơn giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 3349/STNMT-TCKH ngày 03/7/2017, Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 2727/STC-QLCSGC ngày 05/7/2017 về dự thảo Quyết định về việc Ban hành đơn giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (đồng)
1	Cá nhân, hộ gia đình không có hoạt động sản xuất, kinh doanh		
a	Trên địa bàn phường thuộc thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bùn Sơn.	người/tháng	5.000
b	Khu kinh tế Nghi Sơn; các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn các huyện.	người/tháng	3.500
c	Khu vực còn lại	người/tháng	2.500
2	Cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp; trụ sở làm việc, văn phòng giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức sản xuất, kinh doanh không có hoạt động sản xuất, kinh doanh (căn cứ vào bảng lương, danh sách chi trả tiền công và mức thu tại quy định này, đơn vị sử dụng cán bộ, người lao động nộp)	người/tháng	2.500
3	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh		
a	Hộ kinh doanh thương mại		
	- Môn bài bậc 1	hộ/tháng	60.000
	- Môn bài bậc 2	hộ/tháng	45.000
	- Môn bài bậc 3	hộ/tháng	30.000
b	Các hộ sản xuất, chế biến, sửa chữa (không bao gồm các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy) và kinh doanh dịch vụ khác		
	- Môn bài bậc 1	hộ/tháng	240.000
	- Môn bài bậc 2	hộ/tháng	180.000
	- Môn bài bậc 3	hộ/tháng	120.000
c	Hộ hoạt động kinh doanh hàng ăn, uống		
	- Môn bài bậc 1	hộ/tháng	410.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (đồng)
	- Môn bài bậc 2	hộ/tháng	315.000
	- Môn bài bậc 3	hộ/tháng	210.000
d	Các tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ		
	- Đối với nhà hàng, trung tâm thương mại, siêu thị, bến bãi	cơ sở/tháng	410.000
	- Cửa hàng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhà máy, kho bãi (không bao gồm các cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy)	cơ sở/tháng	315.000
	- Đối với phòng nghỉ (bao gồm cả các cá nhân, hộ gia đình có kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ)	phòng/tháng	10.000
	- Đối với bệnh viện, cơ sở y tế	giường/tháng	5.000
	- Đối với các trường học, cơ sở đào tạo	học sinh/ năm học	2.500
4	Đối với các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, nhà ga, bến xe; khu vui chơi giải trí, các khu vực công cộng khác (như điểm du lịch, khu du lịch...)		
a	Đối với các khu vực nhà ga, bến xe; khu vui chơi giải trí, các khu vực công cộng khác (như các điểm du lịch, khu du lịch...) và các khu vực di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng là di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt	cơ sở/tháng	410.000
b	Đối với các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng là di tích cấp quốc gia	cơ sở/tháng	348.500
c	Đối với các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng là di tích cấp tỉnh	cơ sở/tháng	296.000
d	Đối với các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh chưa được xếp hạng	cơ sở/tháng	240.000
5	Rác thải tại các chợ	m ³ rác	240.000
6	Rác thải do các cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy (không bao gồm chất thải nguy hại)	cơ sở/tháng	410.000

(Mức giá trên đã bao gồm thuế GTGT)

Điều 2. Giao đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tổ chức xác định và đề xuất phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cho từng khu vực cụ thể, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện theo quy định của pháp luật về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

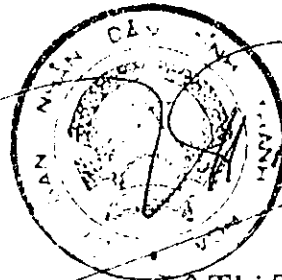
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Công thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn